TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 01 - 2024.
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải

2. Bà Hà Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:

Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Hiện đang làm việc tại Đài Loan. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt tại phiên toà lần hai đã được tống đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại địa chỉ Xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng về sống chung hạnh phúc, hòa thuận. Nhưng cảng về sau vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2015 anh T sang Đài Loan để lao động xuất khẩu. Đến tháng 5/2016 chị cũng sang Đài Loan để làm việc. Tuy nhiên vợ chồng không chung sống cùng nhau, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn và thường xuyên tranh cãi nhau. Hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai, nhiều lần vợ chồng muốn ly hôn để giải thoát cho nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, bất đồng trong việc chăm sóc con cái và chi tiêu trong gia đình. Đến ngày 12/10/2022 anh T trở về Việt Nam để sinh sống. Đến tháng 08 năm 2023 chị xin nghỉ phép và trở về Việt Nam để làm thủ tục liên quan đến việc ly hôn với anh T. Sau đó chị trở lại Đài Loan để tiếp tục công việc. Hiện nay xác định vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn chị có nguyện vọng được ly hôn với anh T để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Phương A, sinh ngày 19/11/2010. Do hiện nay chị đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nên khi ly hôn nếu anh T xin được nuôi con chung chị nhất trí để anh T được nuôi cháu A. Về cấp dưỡng: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu anh T không đề nghị cấp dưỡng thì chị cũng nhất trí, không có ý kiến gì khác. Trường hợp anh T từ chối nhận nuôi cháu A thì chị xin được nuôi cháu A. Thời gian chị đang ở Đài Loan, chị đề nghị Toà án tạm giao cháu A cho bà ngoại là bà Hoàng Thị H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Xóm Quán Vuông 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Hà Văn T trình bày: Anh T xác định về quan hệ hôn nhân phù hợp với lời khai của chị L. Đến năm 2016 anh có sang Đài Loan để làm việc, sau đó chị L cũng sang Đài Loan để làm việc. Do công việc của hai vợ chồng khác nhau nên vợ chồng không chung sống với nhau. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị L đã khai là đúng. Khi ly hôn do chị L đang ở nước ngoài nên anh có nguyện vọng được nuôi cháu An. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T xác định không có, không đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L, cho chị L được ly hôn anh Hà Văn T. Giao con chung là Hà Phương A, sinh ngày 19/11/2010 cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị L do anh T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị Vũ Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên được quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do nguyên đơn là người Việt Nam hiện đang làm việc ở Đài Loan, có địa chỉ cụ thể và bị đơn là người Việt Nam có địa chỉ tại Xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình giải quyết nguyên đơn chị L có mặt tại Việt Nam để nộp đơn khởi kiện, trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị Vũ Thị L có văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T – Địa chỉ: Số A12, đường Nguyễn Cao, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương để nhận những văn bản tố tụng của Tòa án, thay nguyên đơn nộp các khoản lệ phí, án phí của Tòa án và nhận bản án của Toà án sau khi xét xử. Chị L có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải do chị L phải trở lại Đài Loan để tiếp tục công việc. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án không tiến hành hoà giải được.

Ngày 04/01/2024 nguyên đơn chị Vũ Thị L có mặt tại Việt Nam và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị L.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị L và anh Hà Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T tuy cùng làm việc tại Đài Loan, nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau, do vợ chồng sống xa nhau, giữa vợ chồng thiếu sự chia sẻ và quan tâm đến nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, có sự bất đồng về quan điểm sống. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và xin được ly hôn. Anh T cũng nhất trí ly hôn với chị L.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Hà Văn T là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T đều xác định có 01 con chung là Hà Phương A, sinh ngày 19/11/2010. Tại phiên toà anh T có mặt, anh T xin được nuôi cháu A. Tại bản tự khai và ý kiến của chị L trong đơn đề nghị ngày 04/01/2024 thể hiện, chị L nhất trí để anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chăm sóc con chung. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, chị L nhất trí không có ý kiến gì khác. Hội đồng xét xử thấy, chị L hiện đang làm việc tại Đài Loan, chị L và anh T đều thống nhất giao con chung là cháu Hà Phương A, sinh ngày 19/11/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị L do anh T không yêu cầu.

[4]. Án phí dân sự: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Căn cứ Điều 28; Điều 37; khoản 2 Điều 38, Điều 147, Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51;56; 58; 81; 82; 83, Điều 127 của Luật hôn nhân và Gia đình Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị L đối với anh Hà Văn T.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị L được ly hôn anh Hà Văn T.

2.2. Về con chung: Giao con chung là Hà Phương A, sinh ngày 19/11/2010 cho anh Hà Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc nuôi con cho chị L do anh T không yêu cầu.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2.4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp sung quỹ nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000020 ngày 26/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Hà Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND tỉnh;*
- *Cục THADS tỉnh;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)
Nguyễn Ích Yên